

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-5-2018

V/v tranh chấp về ly hôn, tranh

chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX- ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim T**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Ấp C, xã C, Thị xã T, tỉnh An Giang.

* Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964 (là mẹ đẻ anh C)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh C có mặt, chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Y vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* / Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2018, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị Kim T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/3/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh ở thôn Đ, xã H. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau từ suy nghĩ đến việc làm, từ việc lớn đến việc nhỏ. Chị T muốn vợ chồng anh vào miền Nam lập nghiệp nhưng anh không đồng ý. Chị T nghỉ nhờ anh không chung thủy. Vợ chồng vì thế mà thường xuyên bất hòa. Đến ngày 30/12/2016 thì mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên căng thẳng, chị T bế con về nhà mẹ đẻ ở Ấp C, xã C, Thị xã T, tỉnh An Giang ở. Anh đã cố gắng níu kéo, khuyên bảo chị T thay đổi để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn không quay về. Hôn nhân thực tế giữa anh và chị T đã chấm dứt từ khi chị T bỏ đi đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 17/02/2016. Hiện nay, cháu đang ở với chị T. Ly hôn, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T 2.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại Văn bản ghi ý kiến ngày 03/4/2018 gửi cho Tòa án, bị đơn chị Huỳnh Thị Kim T trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị và anh C đúng như anh C trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại thôn Đ, xã H. Quá trình chung sống, do tính tình không hợp nên anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh C ngày càng trầm trọng nên chị đã quyết định đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 17/02/2016, hiện nay, cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị có thu nhập 5.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì. Chị T có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

*/ Tại Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị Y (là mẹ đẻ của anh C) thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm mâu thuẫn giữa anh C và chị T đúng như anh C trình bày. Do bất đồng quan điểm sống với nhau nên từ cuối năm 2016, chị T đưa con về quê ngoại ở tỉnh An Giang ở từ đó đến nay. Gia đình bà đã khuyên giải để hai vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nhưng không được. Đến nay, anh C và chị T ly thân đã lâu, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về quan hệ con chung: Gia đình bà rất muốn trực tiếp nuôi cháu T nhưng chị T cũng có nguyện vọng xin nuôi con, chị T có việc làm, có thu nhập ổn định, có nhà của bố mẹ chị T cho mẹ con cháu ở và có bố mẹ đẻ chị T phụ giúp trong việc nuôi cháu nên đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi cũng đảm bảo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án nhưng đã có văn bản thể hiện quan điểm về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và quan hệ tài sản. Tại phiên tòa chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho anh C và chị T được ly hôn. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng nuôi con cho chị T 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 6/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Huỳnh Thị Kim T và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; Anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình, chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xã C, Thị xã T, tỉnh An Giang nhưng anh C và chị T có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Huỳnh Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Do tính tình không hợp nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, vợ chồng đã ly thân nhau và chấm dứt quan hệ hôn nhân trên thực tế từ tháng cuối năm 2016 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T đã trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh Nguyễn Văn C và chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Huỳnh Thị Kim T có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 17/02/2016. Hiện nay, đang ở với chị T. Chị T có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con nên khi ly hôn, cần giao con chung cho chị T

trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của C và chị T và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C về việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 6/2018 đến khi con Nguyễn Minh T đủ 18 tuổi.

[5] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Anh C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 482 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C và chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 17/02/2016 cho chị Huỳnh Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C về việc cấp dưỡng nuôi con T cho chị T 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 6/2018 đến khi con Nguyễn Minh T đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh C và chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chuyển số tiền 300.000đồng anh C đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 002900 ngày 20/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm. Anh C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 04/5/2018.

Chị Huỳnh Thị Kim T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương